

**BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**  
**CHỦ ĐỀ E: ỨNG DỤNG TIN HỌC**

**BÀI 1. TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ TRONG SOẠN THẢO VĂN BẢN**

**Câu 1.** Lệnh *Find* được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng cho đoạn văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong đoạn văn bản.**
- C. Khi muốn thay thế một từ hoặc một cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phong chữ của văn bản.

**Câu 2.** Để sử dụng công cụ *Tìm kiếm và Thay thế* ta sử dụng hộp thoại nào?

- A. Find and Replace.**
- B. Open.
- C. Insert Picture.
- D. Clipboard.

**Câu 3.** Để thay thế từ “**Tý**” thành từ “**bạn Tý**”, em gõ từ “**Tý**” vào ô nào?

- A. Từ trong gõ vào ô Replace with.
- B. Từ trong gõ vào ô Find what.**
- C. Máy tính tự phát hiện tự chỉnh sửa.
- D. Máy tính tự phát hiện lỗi chính tả và tự sửa.

**Câu 4.** Bạn Tý đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng ở Hà Nội cho các bạn ở Ninh Bình. Tuy nhiên bạn muốn sửa lại văn bản bằng cách thay thế tất cả các từ “**món ngon**” bằng từ “**đặc sản**”. Bạn Tý sẽ dùng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”?

- A. Replace All.
- B. Replace.**
- C. Find Next.
- D. Cancel.

**Câu 5.** Công cụ Thay thế và Tìm kiếm nằm trong nhóm lệnh nào sau đây?


- A. Home.**
- B. Insert.
- C. Design.
- D. View.

**Câu 6.** Lệnh *Replace* được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng cho đoạn văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong đoạn văn bản.**
- C. Khi muốn thay thế một từ hoặc một cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phong chữ của văn bản.

**BÀI 2. TRÌNH BÀY TRANG, ĐỊNH DẠNG VÀ IN VĂN BẢN**

**Câu 1.** Để căn lề trái đoạn văn, đặt con trỏ soạn thảo nằm trong đoạn đó rồi nháy chuột vào nút lệnh?

- A. .      B. .      C. .      D. .

**Câu 2.** Trong các câu sau, câu nào đúng?

A. Định dạng văn bản gồm định dạng kí tự, định dạng đoạn văn và định dạng trang.

B. Định dạng trang chính là căn lề trang.

C. Độ lệnh của đoạn văn bản so với lề trái của trang.

D. Định dạng kí tự và định dạng đoạn có các bước thực hiện tương tự nhau.

**Câu 3.** Để in trang văn bản em chọn lệnh gì?

A. Find.

B. Print.

C. Replace.

D. Find and Replace.

**Câu 4.** Để định dạng trang văn bản ta chọn dải lệnh gì?

A. File.

B. Home.


C. Insert.

D. Page Layout.

**Câu 5.** Để tăng, giảm độ giãn dòng đoạn văn, đặt con trỏ soạn thảo nằm trong đoạn đó rồi nháy chuột vào nút lệnh?

- A. .      B. .      C. .      D. .

**Câu 6.** Để căn lề giữa đoạn văn, đặt con trỏ soạn thảo nằm trong đoạn đó rồi nháy chuột vào nút lệnh?

- A. .      B. .      C. .      D. .

**Câu 7.** Để căn lề phải đoạn văn, đặt con trỏ soạn thảo nằm trong đoạn đó rồi nháy chuột vào nút lệnh?

- A. .      B. .      C. .      D. .

### **BÀI 3. THỰC HÀNH TÌM KIẾM, THAY THẾ VÀ ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**

**Câu 1.** Để chỉnh lề của trang in, ta chọn lệnh nhóm lệnh nút lệnh nào trong dải lệnh Page Setup?

A. Margins.

B. Orientation.

C. Size.

D. Columns.

**Câu 2.** Để chọn khổ giấy trang văn bản, ta chọn lệnh nhóm lệnh nút lệnh nào trong dải lệnh Home?

A. Font.

B. Paragraph.

C. Size.

D. Columns.

**Câu 3.** Khi mở hộp thoại Find and Replace, muốn thay thế tất cả các từ “hay” trong một tài liệu bằng cụm từ “tuyệt vời”, ta thực hiện thao tác nào?

A. Gõ “hay” trong ô Find what, gõ từ “tuyệt vời” trong ô Replace with rồi bấm nút Replace All.

B. Gõ “hay” trong ô Replace with, gõ từ “tuyệt vời” trong ô Find what, rồi bấm nút Replace All.

C. Gõ “hay” trong ô Replace All, gõ từ “tuyệt vời” trong ô Replace with, rồi bấm nút Find what.

D. Không có cách nào thay thế hàng loạt bạn phải xoá và gõ lại từng từ.

**Câu 4.** Trong hộp thoại Find and Replace, ô Find what nhập những nội dung gì?

A. Nội dung cần tìm kiếm.

B. Nội dung cần thay thế.

C. Nội dung ngoại lệ không cần thay thế.

D. Không có tác dụng trong việc tìm kiếm.

**Câu 5.** Lệnh Replace nằm trong nhóm lệnh nào?

A. Find.

B. Find and Replace.

C. Editing.

D. Edit and Replace.

#### **BÀI 4. TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**

**Câu 1.** Để tạo bảng, ta thực hiện thao tác nào?

A. Chọn nút lệnh Table trong dải lệnh Insert.

B. Chọn nút lệnh Table trong dải lệnh Home.

C. Chọn nút lệnh Table trong dải lệnh View.

D. Chọn nút lệnh Table trong dải lệnh Design.

**Câu 2.** Để chèn một hàng trên hàng đang chọn, ta chọn lệnh?

A. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Above.

B. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Below.

C. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Left.

D. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Right.

**Câu 3.** Để chèn một hàng nằm dưới hàng đang chọn, ta chọn lệnh?

A. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Above.

B. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Below.

C. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Left.

D. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, trong nhóm lệnh Rows & Columns chọn nút Insert Right.

**Câu 4.** Để thêm 1 hàng mới vào cuối bảng, ta đặt con trỏ soạn thảo vào ô cuối cùng của bảng rồi gõ phím:

- A. Tab.                      B. Delete.                      C. Shift.                      D. Ctrl.

**Câu 5.** Để xóa hàng đang chọn, ta chọn lệnh?

A. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Row.

B. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Column.

C. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Row.

D. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Column.

**Câu 6.** Để xóa cột đang chọn, ta chọn lệnh?

A. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Row.

B. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Column.

C. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Row.

D. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Column.

**Câu 7.** Để xóa bảng đang chọn, ta chọn lệnh?

A. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Row.

B. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Rows & Columns và chọn Delete Table.

C. Chọn ddải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Row.

D. Chọn dải lệnh Layout của Table Tool, chọn nút Delete trong nhóm lệnh Table và chọn Delete Column.

**ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ E**

## BÀI 1

<b>Câu hỏi</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>Đáp án</b>	B	A	B	B	A	B

## BÀI 2

<b>Câu hỏi</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>Đáp án</b>	A	A	B	D	C	B	C

## BÀI 3

<b>Câu hỏi</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>Đáp án</b>	A	C	A	A	C

## BÀI 4

<b>Câu hỏi</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>Đáp án</b>	A	A	B	A	A	D	B